

Bản án số: 22/2022/HS-ST.

Ngày: 28/02/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh – Ông Dương Việt Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Ông Man Anh Hùng- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Hội TR1 xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST-HS, ngày 18/01/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HS ngày 15/02/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Văn S**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1989, tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã TH, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động T2 do; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Đoàn Văn G (Đã chết) và bà Phạm Thị TH, sinh năm 1959; Vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1991 (Đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2012; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 22/12/2020 bị Công an huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác; Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P từ ngày 20/12/2021 đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 (Có mặt).

Trú tại: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Dương Văn T1, sinh năm 1990(Có mặt).
Trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
- **Người làm chứng:** 1. Anh Dương Văn T2, sinh năm 1992(Vắng mặt).
Trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
2. Anh Hoàng Hữu T3, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
Trú tại: Tổ 8, phường Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
3. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Trú tại: Xóm N1, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
4. Anh Nguyễn Trần TR, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 05/5/2021 anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang, có giao bán 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone XSMax màu vàng, loại 64GB trên Facebook với giá 11.600.000đ. Khi thấy bài đăng của anh TR, Dương Văn T1 đã sử dụng điện thoại OPPO F9 đăng nhập nick “Thu Ngáo Ngo” giả là Thu để hỏi mua điện thoại của anh TR. Sau khi thống nhất được giá cả, T4 hẹn anh TR ngày 09/5/2021 mang điện thoại đến giao tại xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng 11 giờ ngày 09/5/2021, Dương Văn T1 cùng với Đoàn Văn S, sinh năm 1989; Trú tại:Thôn C, xã TH, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đi xe máy của S đến nhà Nguyễn Văn T4, sinh năm 1990; Trú tại:Xóm N1, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên chơi và đợi mua điện thoại. Theo sự hẹn trước, anh TR một mình đi xe mô tô đến thì được T4 chỉ đường vào nhà Nguyễn Văn T4 để mua bán. Tại đây T4 nói với anh TR là nhận điện thoại hộ “Thu”, anh TR đưa điện thoại cho T4 xem, sau khi xem xong T4 bảo anh TR cho số tài khoản để chuyển tiền, anh TR đọc số tài khoản cho T4, rồi T4 sử dụng ứng dụng Viettelpay trên điện thoại thực hiện giao dịch chuyển tiền bằng số tài khoản Viettelpay của Dương Văn T2 (là em trai của T4), thực chất trong tài khoản không có tiền nên giao dịch thất bại. T4 đã sử dụng ứng dụng Polish chỉnh sửa, cắt ghép ảnh giao dịch chuyển tiền từ “thất bại” sang “thành công” sau đó gửi cho anh TR qua nick “Thu ngáo ngo”. Khi nhận được ảnh giao dịch chuyển tiền thành công, nhưng không thấy tiền vào tài khoản nên anh TR ngồi chờ tiền chuyển vào. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh TR vẫn ngồi chờ tiền chuyển vào tài khoản mà chưa giao điện thoại cho T4, nên T4 đi vào trong buồng nói với S “giờ có cách nào để thằng kia để lại điện

thoại không”. S liền đi ra ngoài nói với anh TR “giờ anh sẽ đứng ra nhận điện thoại, tiền mặt thì về nhà anh lấy, lúc nào nhận được tiền chuyển khoản thì chuyển lại sau”. S nói xong thì gọi điện thoại, mở loa ngoài và nói chuyện với người xưng là vợ “tý có hai người về đến nơi, em mang tiền ra để anh cầm điện thoại cho người ta”, nghe S gọi điện thoại nói vậy thì anh TR đồng ý đưa điện thoại cho S cầm và cùng với T4 đi lấy tiền, trước khi đi T4 đã nói với S “Không phải điện đóm gì cả tý ra ngoài kia sẽ nhảy xuống”. Khi anh TR đèo T4 đến gần ngã tư thị trấn N thì T4 bảo TR1 dừng xe lại để cho T4 xuống với lý do ngại không vào nhà S, và chỉ cho anh TR nhà của S là tiệm vàng SH, cứ vào sẽ gặp vợ S. Anh TR tin tưởng nên để T4 lại, đi đến ngã tư thị trấn N để tìm nhà S, nhưng không thấy địa chỉ nào như vậy còn T4 thì bắt xe ôm đi về nhà, anh TR có gọi điện cho T4 thì T4 nói đang ở nhà bạn. Trong lúc đang tìm nhà thì anh TR gặp S đi xe máy qua nên gọi lại, anh TR hỏi S điện thoại đâu, S trả lời là đang cầm và nói đi theo về nhà S để đưa điện thoại. Anh TR đồng ý đi theo S, nhưng S phóng xe đi nhanh để cắt đuôi do vậy anh TR không đuổi kịp nên đành đi về nhà rồi đến Công an trình báo sự việc.

Quá trình điều tra Dương Văn T1 khai nhận: Lúc gọi điện cho S đến nhà đón, đã trao đổi về việc sẽ lừa điện thoại của người giao hàng. Đồng thời trong lúc đi sang xã D, huyện P thì T4 đã nói với S là sẽ lừa bằng cách chuyển khoản ảo. S đồng ý và cả hai sang nhà Nguyễn Văn T4, sau khi lừa lấy được điện thoại, T4 nhờ Hoàng Hữu T3 đưa sang xã P bán chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Trần TR, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn Mai Hoàng, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang được 8.000.000đồng, sau đó T4 quay về chia cho S 3,5 triệu đồng. Còn Đoàn Văn S khai nhận: S là lái xe ôm nên ngày 09/5/2021, T4 gọi đến nhà để trở sang nhà Nguyễn Văn T4 để mua điện thoại, việc mua bán điện thoại giữa T4 và TR1 thì S không biết. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, S đang ở trong buồng thì T4 đi vào nói “giờ có cách nào để thằng kia để lại điện thoại không”, thấy T4 nói vậy S đi ra ngoài nói với anh TR “giờ anh sẽ đứng ra nhận điện thoại, tiền mặt thì về nhà anh lấy, lúc nào nhận được tiền chuyển khoản thì chuyển lại sau”. Nói xong thì S gọi điện thoại, mở loa ngoài và nói chuyện với một người phụ nữ xưng là vợ và bảo “tý có hai người về đến nơi, em mang tiền ra để anh cầm điện thoại cho người ta”. Nghe S nói vậy anh TR đồng ý ra lấy xe đi cùng T4, trước khi đi T4 có nói “không phải điện đóm gì đâu, tý ra kia anh khác nhảy xuống xe”. Nghe T4 nói như vậy, S biết là T4 lừa đảo chiếm đoạt điện thoại của anh TR nên S đồng ý giữ điện thoại cho T4. Sau khi T4 và anh TR đi được khoảng 30 phút thì S lấy xe máy mang theo điện thoại đi về

nhà. Trên đường về đến thị trấn N, S bị anh TR nhìn thấy gọi lại hỏi “điện thoại của em đâu”, S nói “anh đang cầm, thế T4 đâu”, anh TR nói “anh T4 xuống xe rồi, bảo em về bên này”. S có ý không muốn trả điện thoại cho anh TR nên nói “đi theo anh về nhà”, rồi S lên xe máy phóng xe đi nhanh để anh TR không đuổi kịp. Sau khi cắt đuôi được TR1, S đi sang nhà T4 đưa điện thoại cho T4 mang đi bán rồi về đưa cho S 600.000 đồng.

Do lời khai của Dương Văn T1 và Đoàn Văn S có mâu thuẫn về số tiền đưa sau khi bán chiếc điện thoại chiếm đoạt được, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho đối chất để làm rõ. Tuy nhiên cả hai vẫn giữ nguyên lời khai.

Căn cứ vào tài liệu điều tra đã thu thập được, xác định thời điểm T4 quay lại nói với S: “không phải điện đóm gì đâu, tý ra kia anh anh khác nhảy xuống xe” và S đã hiểu ý của T4 là lừa lấy điện thoại của anh TR. Khi biết ý định của T4, S đã đồng ý giúp T4 để chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh TR, thể hiện ở hành vi gọi điện thoại bảo vợ đưa tiền, khi gặp anh TR ở thị trấn N đã không trả lại điện thoại, cố tình phóng xe đi nhanh để cho anh TR không đuổi kịp với mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại đến cùng, khi chiếm đoạt được điện thoại đã mang về đưa cho T4 đem bán và được nhận 600.000 đồng.

Ngày 11/11/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản là điện thoại Iphone XS Max 64 GB mà T4 và S chiếm đoạt của anh TR. Ngày 26/11/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận giá trị chiếc điện thoại trên là 8.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xảy ra ngày 09/5/2021 tại Xóm N1, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời ra Quyết định khởi tố bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Dương Văn T1 và Quyết định khởi tố bị can đối với Đoàn Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đoàn Văn S.

Ngày 14/12/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định tách vụ án hình sự Đoàn Văn S “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xảy ra ngày 09/5/2021 tại Xóm N1, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thành vụ án riêng, để tiếp tục điều tra đồng thời ra lệnh truy nã đối với S. Đến ngày 22/12/2021 thì bắt được S.

Tại cơ quan điều tra Đoàn Văn S đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với Dương Văn T1 như đã nêu trên.

Bị cáo Đoàn Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo; bị cáo có mẹ đẻ là bà Phạm Thị TH có thời gian tham gia thanh niên xung phong và được Nhà nước tặng kỷ niệm chương, gia đình thuộc diện hộ nghèo.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 64GB hiện không thu hồi được; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy 7 pro màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu đen.

Về phân trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, anh Nguyễn Văn T là người bị hại yêu cầu T4 và S phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng theo giá trị định giá tài sản. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T và anh Dương Văn T1 thỏa thuận: Anh Dương Văn T1 sẽ có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 8.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSPB, ngày 14/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Đoàn Văn S về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận và giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn S từ 18 đến 24 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586; 589; Điều 357, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại anh Nguyễn Văn T với anh Dương Văn T1. Anh Dương Văn T1 có trách nhiệm trả cho anh TR số tiền là 8.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo S phải trả lại số tiền 600.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu vàng của Đoàn Văn S; Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A10 màu đen của Đoàn Văn S để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn phần án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật; Buộc anh Dương Văn T1 phải chịu án phí DSST theo quy định;

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được về đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T2, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được như: Đơn trình báo của người bị hại, biên bản bắt người, biên bản khám nghiệm hiện TR1, sơ đồ hiện TR1, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ ngày 09/05/2021, tại khu vực Xóm N1, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đoàn Văn S và Dương Văn T1 đã cùng nhau thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max 64 GB của anh Nguyễn Văn T có giá trị 8.000.000 đồng. Hiện tài sản không thu hồi được

anh TR là người bị hại yêu cầu S và T4 phải bồi thường theo giá trị định giá tài sản. Đối với hành vi của Dương Văn T1 trong vụ án này đã được kết luận điều tra và đang đề nghị xử lý trong một vụ án khác. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận Đoàn Văn S phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các TR1 hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm TR của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật T2 trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên cũng cần phải có một mức án phù hợp, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Đoàn Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo S thuộc gia đình hộ nghèo, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Liên quan đến vụ án này có hành vi của Hoàng Hữu T3; Nguyễn Trần TR; Nguyễn Văn T4; Dương Văn T2 nhưng đã được tách ra để xử lý trong cùng vụ án Dương Văn T1, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[6]. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu vàng máy đã qua sử dụng của Đoàn Văn S; Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A10 màu đen, máy đã qua sử dụng của Đoàn Văn S để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn T với anh Dương Văn T1. Anh Dương Văn T1 có trách nhiệm trả cho anh TR số tiền là 8.000.000đ.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9]. Truy thu số tiền 600.000đ là số tiền do thu lời bất chính đối với bị cáo Đoàn Văn S.

[10]. Về án phí: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn phần án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Anh Dương Văn T1 phải chịu 400.000đ án phí DSST thẩm nộp sung quỹ nhà nước.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 329 của Bộ Luật tố tụng hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586; 589 Điều 357, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Bị cáo Đoàn Văn S phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Đoàn Văn S 18(mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2021.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo Đoàn Văn S với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu vàng, không kiểm tra bên trong máy, không lên

nguồn, máy đã qua sử dụng của Đoàn Văn S; Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A10 màu đen, không lên nguồn, máy đã qua sử dụng của Đoàn Văn S để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn T với anh Dương Văn T1. Anh Dương Văn T1 có trách nhiệm trả cho anh TR số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh Dương Văn T1 không T2 nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền gốc mà anh Dương Văn T1 chậm thi hành án.

6. Truy thu số tiền 600.000 đồng là số tiền do thu lời bất chính đối với bị cáo Đoàn Văn S.

7. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

8. Về án phí hình sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí HSST đối với bị cáo Đoàn Văn S; Anh Dương Văn T1 phải chịu 400.000 đồng án phí DSST thẩm nộp sung quỹ nhà nước.

TR1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T2 nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Thái

